

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚ LƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TƯ VẤN XÂY DỰNG PHÚ LƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0315336282

**3. Ngày thành lập:** 17/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

83 Nguyễn Khoa Đăng, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm có liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)                                                                                                                                                                                                                     | 4661     |
| 2.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe cầu, xe nâng, xe xúc, xe cạp đất, xe lu, xe ô tô, xe ben.                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710     |
| 3.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan<br>Chi tiết: Trồng cây, chăm sóc và duy trì: công viên và vườn cho nhà riêng và công cộng, công trình công cộng hoặc bán công cộng ( trường học, bệnh viện, cơ quan hành chính); trồng cây xanh cho các tòa nhà, vườn trên nóc, vườn ở mặt trước, vườn trong nhà, sân thể thao, sân chơi và công viên giải trí khác (sân thể thao, sân chơi, bãi cỏ, sân golf ). | 8130     |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: Sản xuất hàng mây-tre-lá, cúc áo.                                                                                                                                                                                                                                                                | 1629     |
| 5.  | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7820     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: bán buôn đồ điện gia dụng , đèn và bộ đèn điện . Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành)                                                                                                                                                                                                                                          | 4649     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Giao nhận hàng hóa, hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan; đại lý vé máy bay (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không)                                                                                                                                                             | 5229     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5510 |
| 9.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6619 |
| 10. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7730 |
| 11. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7830 |
| 12. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn du học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8560 |
| 13. | Khai thác gỗ<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0220 |
| 14. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1621 |
| 15. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1622 |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4311 |
| 17. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3900 |
| 18. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4229 |
| 19. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330 |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp, thương mại, hàng hải, khai khoáng, xây dựng. bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện ( máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện ). Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày. Bán buôn vật tư thiết bị phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn. | 4659 |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Buôn bán tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị lắp đặt vệ sinh; Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác; Bán buôn sơn, vecni, vach, trần thạch cao; bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, cát, đá, sỏi, vật liệu xây dựng khác; Buôn bán vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: bán buôn ống nối, khớp nối, vòi, ống cao su và chi tiết lắp ghép khác.                 | 4663 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hàng lưu niệm: tàu thuyền bằng gỗ-tranh sơn mài, bánh kẹo.                                                                                                                                                                                         | 4669        |
| 23. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                               | 2592        |
| 24. | Sửa chữa thiết bị điện<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                   | 3314        |
| 25. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4101(Chính) |
| 26. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4102        |
| 27. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                        | 4620        |
| 28. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất. Bán lẻ đồ dùng bằng gốm, sứ, thủy tinh. | 4759        |
| 29. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)                                                                                                                                                                                                                                         | 5210        |
| 30. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4312        |
| 31. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                 | 4322        |
| 32. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1811        |
| 33. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4211        |
| 34. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4212        |
| 35. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4221        |
| 36. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                          | 7110        |
| 37. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4299        |
| 38. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 39. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                           | 4329        |
| 40. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5224        |
| 41. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6492        |



\* Họ và tên: LƯƠNG VĂN NĂM

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/02/1992*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *241263904*

Ngày cấp: *29/02/2008*

Nơi cấp: *Công an Tỉnh Đắk Lắk*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *128/1 Y Wang, Phường Ea Tam, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *83 Nguyễn Khoa Đăng, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh*